

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
HẢI PHÒNG

Số: 607 /GPMT-BQL

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường 2020;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/05/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố thành phố Hải Phòng ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2469/QĐ-UBND ngày 01/08/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức, thực hiện thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi Giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 1002/QĐ-BQL ngày 04/4/2022 của Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của “Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất mực in bao bì 5000 tấn/năm” do Công ty Cổ phần mực in Á Châu làm chủ đầu tư tại Lô D1, KCN Tràng Duệ thuộc khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng;

Xét Văn bản số 1512/CV-Á Châu ngày 15/12/2022 của Công ty Cổ phần mực in Á Châu về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường; Văn bản số 1001/CV-Á Châu ngày 10/01/2023 của Công ty Cổ phần mực in Á Châu về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Dự án đầu tư nhà máy sản xuất mực in bao bì 5000 tấn/năm” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần mực in Á Châu, địa chỉ tại Lô D1, khu công

nghiệp Trảng Duệ, xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất mực in bao bì 5000 tấn/năm” tại Lô D1, Khu công nghiệp Trảng Duệ, huyện An Dương, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: “Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất mực in bao bì 5000 tấn/năm”

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô D1, Khu công nghiệp Trảng Duệ, huyện An Dương, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0200761562 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 20 tháng 9 năm 2007; thay đổi lần thứ 6 ngày 22 tháng 01 năm 2022.

1.4. Mã số thuế: 0200761562

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất mực in bao bì

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Diện tích đất sử dụng: 6.950,7 m²

- Quy mô, công suất:

Dự án sản xuất mực in bao bì với công suất: 5000 tấn/năm. Sản phẩm của dự án bao gồm mực in Gravure, mực in Flexo cho bao bì xi măng, carton, bao bì phân bón và cho lĩnh vực tiêu dùng... gồm các chất liệu OPP, PP, PE, PET, PA, giấy, bìa...

+ Mực OPP: 2.700 tấn/năm

+ Mực PMG: 1.150 tấn/năm

+ Mực FlexoT: 150 tấn/năm

+ Mực Flexoaqua: 1.000 tấn/năm

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần mực in Á Châu:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty Cổ phần mực in Á Châu có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm

(từ ngày 20 tháng 02 năm 2023 đến ngày 20 tháng 02 năm 2033).

Điều 4. Giấy phép có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giao Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND TP (để b/c);
- Lãnh đạo Ban;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND: xã Hồng Phong, huyện An Dương;
- Công ty Cổ phần mực in Á Châu;
- Công ty CP KCN Sài Gòn – Hải Phòng;
- Các Phòng: QHXD, QLĐT, HTGS, VPDD;
- Công TTĐT BQLKKT;
- Lưu: VT, TNMT/BQL

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Bùi Ngọc Hải

Phụ lục 1

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số *601*...../GPMT-BQL ngày *20* tháng *02* năm 2023
của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (do nước thải sau khi xử lý của Dự án được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Tràng Duệ, không xả ra môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

+ Nước thải từ khu vực nấu ăn

Nước thải được tách dầu, mỡ qua thiết bị tách dầu mỡ, dẫn về bể tự hoại tại khu vực văn phòng dung tích 19,49 m³ rồi chảy về hố ga cuối của Công ty. Sau đó, nước thải của dự án hòa vào hệ thống đường ống của KCN chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Tràng Duệ.

+ Nước thải sinh hoạt

- Lượng nước thải từ nhà ăn sau khi qua thiết bị tách mỡ được thu gom cùng nước thải vệ sinh khu văn phòng về xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại có dung tích 19,49 m³, sau đó dẫn ra hố ga thu gom nước thải cuối cùng của dự án về hố ga cuối của công ty và nhập với dòng nước thải chung của KCN chảy về khu xử lý nước thải của KCN Tràng Duệ.

- Nước thải sinh hoạt tắm rửa, vệ sinh của các công nhân sau khi được xử lý qua 01 bể tự hoại (dung tích 6,37 m³) thì phần nước trong tiếp tục được thu về hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m³/ngày xử lý cùng nước thải sản xuất, lượng nước thải này chảy về hố ga cuối của Công ty và nhập với dòng nước thải chung của KCN chảy về khu xử lý nước thải của KCN Tràng Duệ.

+ Nước thải sản xuất

Nước thải sản xuất phát sinh trong quá trình sản xuất mực in từ các khâu vệ sinh thùng phuy đựng mực, rửa các dụng cụ phòng kiểm nghiệm được bơm theo đường ống dẫn từ hố thu gom về bể lắng sơ bộ trước khi hòa cùng phần nước trong sau bể tự hoại khu nhà xưởng để xử lý qua hệ thống xử lý nước thải công suất 10m³/ngày. Sau đó, dòng nước thải này theo đường ống dẫn về hố ga cuối của Công ty và nhập với dòng nước thải chung của KCN về khu xử lý nước thải của KCN Trảng Duệ.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

+ Nước thải từ khu vực nấu ăn

Nước thải nhà bếp → Thiết bị tách mỡ (0,084 m³) → Bể tự hoại 3 ngăn dung tích 19,49 m³ → Hố ga cuối → Trạm XLNT tập trung của KCN Trảng Duệ.

+ Nước thải sinh hoạt

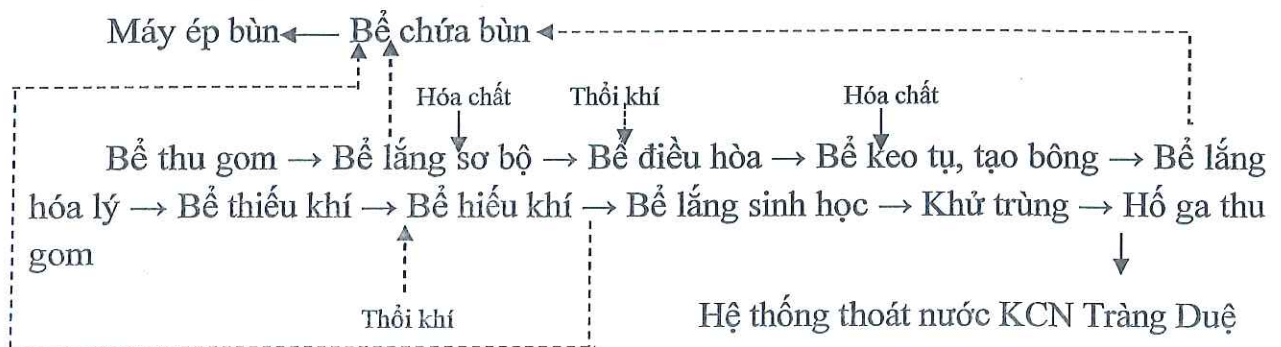
Nước thải sinh hoạt của khu văn phòng → Bể tự hoại 3 ngăn dung tích 19,49 m³ → Hố ga cuối → Trạm XLNT tập trung của KCN Trảng Duệ.

Nước thải sinh hoạt của khu nhà xưởng → Bể tự hoại 3 ngăn dung tích 6,37 m³ → Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 10 m³/ngày → Hố ga cuối → Trạm XLNT tập trung của KCN Trảng Duệ.

+ Nước thải sản xuất

Nước thải sản xuất → Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 10 m³/ngày → Hố ga cuối → Trạm XLNT tập trung của KCN Trảng Duệ.

* Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 10 m³/ngày:



1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quy định tại Khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thoát nước.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu (03 vị trí):

- 01 vị trí tại hố ga nước thải cuối của dự án, trước khi đầu nối vào hố ga thu gom nước thải của khu công nghiệp tại Lô D1, khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Tọa độ: X = 584819.1999; Y = 2307759.3906 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $105^{\circ}45'$ múi chiếu 3°).

- 01 vị trí tại hố ga thu trước hệ thống xử lý nước thải sản xuất của dự án tại Lô D1, khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Tọa độ: 584751.8993; Y = 2307650.8804 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $105^{\circ}45'$ múi chiếu 3°).

- 01 vị trí tại hố ga sau hệ thống xử lý nước thải sản xuất của dự án tại Lô D1, khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Tọa độ: 584716.0907; Y = 2307673.2846 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $105^{\circ}45'$ múi chiếu 3°).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: tuân thủ yêu cầu của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Tràng Duệ.

2.3. Tần suất lấy mẫu: đảm bảo ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của cơ sở, bảo đảm đáp ứng yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Tràng Duệ, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Tràng Duệ để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

Phụ lục 2

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..607...../GPMT-BQL ngày 20. tháng 02... năm 2023
của Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- + Nguồn số 1: Khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý bụi.
- + Nguồn số 2: Khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**2.1. Vị trí xả khí thải:**

- + Nguồn số 1: Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi. Tọa độ: X(m) = 584753.7005; Y(m) = 2307724.5482 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰45, múi chiều 3⁰).
- + Nguồn số 2: Ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải. Tọa độ: X(m) = 584747.2822; Y(m) = 2307717.8838 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰45, múi chiều 3⁰).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- + Nguồn số 1: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 25.000 m³/h.
- + Nguồn số 2: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 8.000 m³/h.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- + Đối với hệ thống xử lý bụi: Khí thải sau khi xử lý bụi được xả ra môi trường không khí qua ống thải, xả gián đoạn theo đợt.
- + Đối với hệ thống xử lý khí thải: Khí thải sau khi xử lý bụi được xả ra môi trường không khí qua ống thải, xả liên tục 8/24 giờ.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B) ($C_{max} = C \times K_p \times K_v = C \times 0,9 \times 1$) và QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ cụ thể như sau:

Stt	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn theo QCVN	Tần suất quan trắc định kỳ
I	Nguồn số 1			
1	Lưu lượng	m ³ /h	25.000	



2	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	-	03 tháng/lần
3	Áp suất	Pa	-	
4	Bụi	mg/Nm^3	180	
5	Toluen	mg/Nm^3	750	
6	Etylaxetat	mg/Nm^3	1.400	
7	IPA (Isopropyl Alcohol)	mg/Nm^3	-	
II	Nguồn số 2			
1	Lưu lượng	m^3/h	8.000	03 tháng/lần
2	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	-	
3	Áp suất	Pa	-	
4	Toluen	mg/Nm^3	750	
5	Etylaxetat	mg/Nm^3	1.400	
6	IPA (Isopropyl Alcohol)	mg/Nm^3	-	

* Ghi chú: đối với các thông số chưa có quy chuẩn kỹ thuật so sánh, dự án cam kết sẽ quan trắc bổ sung sau khi có quy chuẩn so sánh theo quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Bụi, khí thải từ quá trình sản xuất mực in được thu gom qua chụp hút vào đường ống dẫn vào hệ thống xử lý bụi, khí thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ của từng hệ thống xử lý:

Hệ thống xử lý bụi: Bụi tại 16 vị trí của khu vực nạp, khuấy, nghiền, hiệu chỉnh -> Chụp hút (quạt hút $25.000 \text{ m}^3/\text{h}$) -> Đường ống (đường kính $\text{Ø}200, \dots, 300, 750$) -> Thiết bị lọc bụi túi -> Ống thải (đường kính $\text{Ø}750$, cao $\sim 4,2\text{m}$).

- Công suất thiết kế: $25.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Chiều cao ống thải: $4,2 \text{ m}$ (tính từ mặt nền đường đi).

Hệ thống xử lý khí thải: Khí thải tại 26 vị trí của khu vực nạp, khuấy, nghiền, hiệu chỉnh -> Chụp hút (quạt hút $8.000 \text{ m}^3/\text{h}$) -> Đường ống (đường kính $\text{Ø}100, \dots, 150, 400$) -> Tháp hấp phụ khí -> Ống thải (đường kính $\text{Ø}400$, cao $\sim 5,8\text{m}$).

- Công suất thiết kế: $8.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính (thay thế định kỳ 06 tháng/lần).

- Chiều cao ống thải: 5,8 m (tính từ mặt nền đường đi).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động được quy định tại Khoản 2, Điều 98, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra, theo dõi thiết bị bảo đảm hệ thống xử lý bụi, khí thải hoạt động ổn định.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không được gây ô nhiễm môi trường không khí.

- Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

+ 01 mẫu đầu ra tại ống thoát khí hệ thống xử lý bụi. Tọa độ: X(m) = 584753.7005; Y(m) = 2307724.5482 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105⁰45, múi chiếu 3⁰).

+ 01 mẫu đầu ra tại ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải. Tọa độ: X(m) = 584747.2822; Y(m) = 2307717.8838 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105⁰45, múi chiếu 3⁰).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn theo QCVN
I	Nguồn số 1		
1	Lưu lượng	m ³ /h	25.000
2	Nhiệt độ	°C	-
3	Áp suất	Pa	-
4	Bụi	mg/Nm ³	180

5	Toluen	mg/Nm^3	750
6	Etylaxetat	mg/Nm^3	1.400
7	IPA (Isopropyl Alcohol)	mg/Nm^3	-
II	Nguồn số 2		
1	Lưu lượng	m^3/h	8.000
2	Nhiệt độ	$^{\circ}C$	-
3	Áp suất	Pa	-
4	Toluen	mg/Nm^3	750
5	Etylaxetat	mg/Nm^3	1.400
6	IPA (Isopropyl Alcohol)	mg/Nm^3	-

2.3. Tần suất lấy mẫu: đảm bảo ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý khí, bụi thải theo quy định tại khoản 5 điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo quy định trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thường xuyên kiểm tra vận hành các thiết bị trong hệ thống thông gió nhà xưởng, hệ thống thu gom, xử lý bụi.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...6.07.../GPMT-BQL ngày 20... tháng .02 năm 2023
của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy móc thiết bị khu vực sản xuất mục in.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

+ Nguồn số 1: Khu vực khuấy trộn.

Tọa độ: X(m) = 584786.6296; Y(m) = 2307738.4108 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰45, múi chiếu 3⁰).

+ Nguồn số 2: Khu vực nghiền mịn.

Tọa độ: X(m) = 584745.5624; Y(m) = 2307689.7092 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰45, múi chiếu 3⁰).

+ Nguồn số 3: Khu vực hệ thống xử lý bụi.

Tọa độ: X(m) = 584753.7005; Y(m) = 2307724.5482 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰45, múi chiếu 3⁰).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT đối với tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT đối với độ rung, cụ thể như sau:

Đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

a. Tiếng ồn

Bảng 4.3. Giới hạn kiểm soát tiếng ồn

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường
QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn				

b. Độ rung

Bảng 4.4. Giới hạn kiểm soát độ rung

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường
QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung				

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Thường xuyên cân chỉnh và bảo dưỡng (*tra dầu, mỡ, vệ sinh bụi,...*) các chi tiết truyền động của máy móc thiết bị.

- Lắp đặt đệm chống ồn, chống rung đối với máy móc thiết bị sản xuất.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần 3, Mục A của Phụ lục này.

- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...607.../GPMT-BQL ngày ..20.. tháng 02.. năm 2023
của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Stt	Danh mục	Trạng thái	Khối lượng dự báo (kg/năm)	Mã số CTNH
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	Rắn	7.200	12 06 06
2	Mực in thải có thành phần nguy hại	Lỏng	4.200	08 02 01
3	Than hoạt tính từ hệ thống xử lý khí thải	Rắn	1.000	12 01 04
4	Bao bì thải có chứa hoặc bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	2.100	18 01 01
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại;	Rắn	3.424	18 02 01
6	Hộp mực in thải có thành phần nguy hại	Rắn	480	08 02 04
7	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	6	16 01 06
Tổng			18.410 kg/năm	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh phần lớn là vỏ bao bì đựng nguyên liệu, sản phẩm,... với khối lượng phát sinh khoảng 67,2 tấn/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 26,23 kg/ngày đêm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: bố trí thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại đảm bảo đáp ứng quy định tại Khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.1.2. Kho lưu chứa:

+ Diện tích kho: 20 m²

+ Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) có tường bao và mái che, nền được gia cố bằng bê tông. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã chất thải nguy hại, bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định; đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại Khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: bố trí thiết bị lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo an toàn, không bị hư hỏng, rách vỡ và đáp ứng các quy định tại Khoản 1 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Khu vực chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường: 01 kho;

+ Diện tích kho: 20 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kết cấu móng bê tông cốt thép, khép kín, có biển báo, nền bê tông, tường gạch, bình bột chữa cháy, cửa ra vào. Khu vực chứa chất thải thông thường đảm bảo quy định tại khoản 3 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy, dung tích 100 lít/thùng.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.



Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .607..../GPMT-BQL ngày .20.. tháng 02 năm 2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định; chịu trách nhiệm liên quan đến chất thải được chuyển giao.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường theo quy định nếu để xảy ra sự cố môi trường.
